

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Phụng.

Ông Phạm Đức Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Xuân Đông - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 106/2017/HSST ngày 04 tháng 7 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2017/QĐXX-ST ngày 06 tháng 7 năm 2017, đối với bị cáo

Họ và tên: **TRẦN VĂN L**, sinh ngày 28/8/1978.

Hộ khẩu thường trú: Phường B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú trước khi bị bắt: Phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.

Con ông: Trần Hoài S (đã chết); Con bà: Bùi Thị H, sinh năm 1947; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba . Vợ: Lê Thị D, sinh năm 1986 (đã ly hôn). Con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016.

* **Tiền án, tiền sự:** Không.

* **Nhân thân:** - Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 02/4/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội thành phố Thái Bình thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 05/4/2010 đến ngày 05/4/2011 do nghiện ma túy.

- Án số 100/HSST ngày 24/3/2000 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy , bị cáo phải nộp phạt 20.000.000 đồng. Ngày 21/8/2000, Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định ủy thác số 148/UT.THA cho Đội thi hành án dân sự thị xã Thái Bình (nay là Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình) thi hành số tiền phạt 20.000.000 đồng và án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng. Qua xác minh tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình không nhận được quyết định ủy thác trên, do đó bị cáo được hưởng tình tiết có lợi.

- Án số 56/HSST ngày 24/02/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa , tỉnh Đồng Nai xử phạt 20 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Buộc bị cáo phải hoàn trả cho người bị hại (anh Nguyễn Thanh L) số tiền 65.000đ. Bị cáo chấp hành xong án phí ngày 25/8/2003; Về phần hoàn trả số tiền 65.000đ, do người bị hại (anh Nguyễn Thanh L) không yêu cầu nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình không thụ lý bồi thường, do đó bị cáo được hưởng tình tiết có lợi theo quy định của pháp luật.

- Án số 25/HSST ngày 26/01/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 28 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Buộc bị cáo nộp sung công quỹ Nhà nước 500.000 đồng do thu lợi bất chính mà có. Qua xác minh số tiền sung công đã nộp tổng cộng làm 3 lần là 200.000 đồng vào các ngày 03/01/2014, ngày 25/01/2014, ngày 19/3/2014. Phần án phí của bản án và số tiền sung công còn lại đã được Tòa án xét miễn theo Quyết định số 37/MG ngày 27/3/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Án số 15/2012/HSST ngày 10/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong án phí ngày 27/4/2012.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 03/4/2017 đến ngày 06/4/2017 chuyển tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1977; Trú tại thôn A, xã B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (*Vắng mặt*)

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Trú tại thôn C, xã D, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 03/4/2017. Trần Văn L đi bộ ra khu vực gần nhà tại phường T, thành phố Thái Bình mục đích mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Tại đây, L gặp và mua của một người nam giới khoảng 40 tuổi không quen biết 01 túi ma túy đá với giá 250.000 đồng. Sau đó L cầm gói ma túy vừa mua được đi tìm chỗ để sử dụng. Đến khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, khi L đến khu vực đường X, phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình thì tổ công tác của Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình phát hiện L có biểu hiện nghi vấn về ma túy nên yêu cầu L dừng lại để kiểm tra. Trước sự chứng kiến của những người làm chứng là anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1977; Trú tại thôn A, xã B, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; Trú tại thôn C, xã D, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, L tự giác đưa từ lòng bàn tay phải ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng. L khai nhận đó là ma túy đá mua về để sử dụng. L tiếp tục lấy từ túi quần bên phải ra giao nộp cho tổ công tác 01 điện thoại di động nhãn hiệu Q-mobile, màu trắng. Ngoài ra Cơ quan công an không quản lý đồ vật, tài sản gì khác. Tổ công tác yêu cầu L và mời người làm chứng về trụ sở Phòng cảnh sát cơ động Công an tỉnh Thái Bình để lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng. Sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Thái Bình giải quyết theo thẩm quyền.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Thái Bình ra Lệnh khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Văn L tại phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Qua khám xét không phát hiện và thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 107/KLGD-PC54 ngày 03/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận: “Mẫu gửi giám định thu của Trần Văn L là ma túy, loại Methamphetamine, có trọng lượng **1,4398 gam** (*Một phẩy bốn nghìn ba trăm chín mươi tám gam*)”.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 114/KSĐT ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Trần Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào những chính sách có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và

khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án tù từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 03/4/2017;

Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định ; trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Q-Mobile, màu trắng, đã cũ.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt, xử lý vật chứng và không có ý kiến, tranh luận gì.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án , bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án , căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng . Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiệndúng theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra , truy tố, phù hợp với các tài liệu , chứng cứ như : Biên bản bắt người phạm tội quả tang (bút lục số 02 - 05); Biên bản niêm phong vật chứng (bút lục số 29); Bản kết luận giám định số 107 ngày 03/4/2017 (bút lục số 32); Bản tự khai và biên bản ghi lời khai của những người làm chứng là anh Nguyễn Đình T và anh Nguyễn Văn T (bút lục số 78 - 89); Cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Ma túy là vật cấm lưu hành, không những làm sa sút về sức khỏe trí tuệ con người mà nó còn làm hủy hoại đạo đức nhân cách con người, là tác nhân lan truyền đại dịch HIV/AIDS, là nguồn gốc phát sinh các loại tội phạm khác gây ảnh hưởng đến trật tự trị an.

[4] Bị cáo tuy nhận thức được tác hại của ma túy nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Theo bản kết luận giám định số 107/KLGD-PC54 ngày 03/4/2017, số ma túy thu được của Trần Văn L là ma túy loại Methamphetamine, có trọng lượng 1,4398 gam.

[5] Như vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

[6] Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu do đã nhiều lần bị đưa ra xét xử và bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Bố đẻ của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, mẹ đẻ của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[8] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: ...

c) Hêrôin, côcain, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam; ...”

[9] Theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm là cao hơn so với mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo do thay đổi chính sách pháp luật Hình sự của Nhà nước theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015; Và căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội

của bị cáo đã gây ra , cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, nhưng khi lượng hình cũng cần xem xét cân nhắc giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[10] Khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.*” Bị cáo là người nghiện ma túy, có hành vi tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng, vì vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều khai đã mua ma túy của một người nam giới khoảng 40 tuổi, không quen biết, ở khu vực phường T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Qua điều tra, xác minh, không xác định được cụ thể người bán ma túy cho bị cáo nên không đủ căn cứ để xử lý

[12] Về xử lý vật chứng : Số ma túy thu giữ được của bị cáo là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Đối với chiếc điện thoại Qmobile màu trắng, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận là tài sản của bị cáo, mua để liên lạc với gia đình, bạn bè, không liên quan gì đến hành vi phạm tội nên cần trả lại bị cáo.

[14] Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[15] Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố Bị cáo Trần Văn L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”

2. Hình phạt : Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 03/4/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 41 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy hoàn trả sau giám định là 1,3331 gam Methamphetamine được niêm phong trong phong bì số 107/KLGD-PC54.

- Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile màu trắng, đã cũ nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thái Bình đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 03/7/2017)

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/7/2017.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)